TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/DS-PT
Ngày 19/6/2023
V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Sơn Cươl - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022, về việc " Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST, ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 106/2023/QĐ-PT ngày 01/6/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Tiểu Q, sinh năm 1979; Địa chỉ: số A, ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

2. Bị đơn: Tổng công ty cổ phần B; Địa chỉ: T, T22 – Tòa nhà MIPEC, số B, T, Đ, Hà Nội. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

- Bà Trần Thị Hương G, chức vụ: Chuyên viên phòng Tổng hợp – Tổng công ty cổ phần B. (vắng mặt)

- Ông Bùi Phi L, sinh năm 1997. Chuyên viên phòng Tổng hợp – Tổng công ty cổ phần B. (có mặt)

- Ông Bùi Sĩ L1, sinh năm 1961. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: T, T22 – Tòa nhà MIPEC, Số B, T, Đ, Hà Nội. Theo Giấy ủy quyền số 80 ngày 02/3/2022; Giấy ủy quyền số 111 ngày 14/5/2022.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Ngô Thành T và bà Phạm Thị Thanh V; Cùng địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà V: Bà Trịnh Tiểu Q, sinh năm 1979; Địa chỉ: số A Ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 06/3/2017 (có mặt)

3.2. Cháu Ngô Đức S, cháu Ngô Bích N; Cùng địa chỉ: số A, ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của cháu S, cháu N: Bà Trịnh Tiểu Q, sinh năm 1979; Địa chỉ: số A Ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3.3. Ngân hàng TMCP S3; Địa chỉ: số B - B N, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng: Ông Lê Hoàng P, sinh năm 1980; Địa chỉ số C, đường T, phường B, thành phố S. Theo Giấy ủy quyền số 307, ngày 04/5/2022. (có mặt)

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1969; Địa chỉ số B, đường B, khóm E, phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

4.2. Ông Thạch S1 – Trưởng Ban N2, phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

4.3. Ông Châu Minh T2, sinh năm 1989; Địa chỉ số H, đường L, khóm D, phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

4.4. Ông Lâm Văn S2, sinh năm 1959; Địa chỉ số G, đường M, khóm F, phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Tổng công ty cổ phần B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Ánh T3 trình bày:*

Vào ngày 28/11/2015, chồng bà Trịnh Tiểu Q là ông Ngô Văn P1 có mua 01 chiếc xe ôtô hiệu Fortuner 2,7V của Công ty TNHH T6. Đến ngày 05/12/2015, ông P1 có đến Công ty B1 để hợp đồng mua bảo hiểm tai nạn lái, phụ xe tự nguyện, bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc, bảo hiểm vật chất xe cùng ngày 05/12/2015 ông P1 đã được Công ty B1 cấp 03 giấy chứng nhận bảo hiểm sau:

1/ Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện số 50201577/OTO-TN, bảo hiểm tai nạn lái, phụ xe và người ngồi trên xe. Lái xe 01 người, mức bảo hiểm

10.000.000 đồng/người/vụ. Người ngồi trên xe: 06 người, số tiền bảo hiểm 10.000.000 đồng/người/vụ. Phí bảo hiểm 70.000 đồng.

2/ Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS số 50201577/OTO-TN, chủ xe: Ngô Văn P1, số khung: 7F9013954, số máy: 2TR8896540, loại xe Fortuner, số chỗ ngồi 07 chỗ. Mục đích sử dụng: không kinh doanh vận tải;

- Mức TNDS đối với người thứ ba: 70.000.000 đồng/người/vụ, về tài sản: 70.000.000 đồng/vụ.

- Mức TNDS đối với hành khách: về người: 7.000.000 đồng/người/vụ.

- Thời hạn bảo hiểm từ 06 giờ ngày 07/12/2015 đến 06 giờ ngày 07/12/2016, phí bảo hiểm 873.400 đồng, do Công ty B1 trực thuộc Tổng công ty cổ phần B2 (Tổng công ty cổ phần B) cấp ngày 05/12/2015.

3/ Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chủ xe ô tô (vật chất xe) số 50090537/OTO-TN chủ xe: Ngô Văn P1, số khung 7F9013954, số máy: 2TR8896540, loại xe Fortuner, số chỗ ngồi 07 chỗ, loại xe DL. Bảo hiểm vật chất xe: giá trị xe 1.008.000.000 đồng. Số tiền bảo hiểm theo yêu cầu: toàn bộ xe: 1.008.000.000 đồng, mức bồi thường 500.000 đồng. Tổng phí bảo hiểm: 25.704.000 đồng.

- Thời gian bảo hiểm: 24 tháng từ 06 giờ ngày 07/12/2015 đến 06 giờ ngày 07/12/2017, do Công ty B1 trực thuộc Tổng công ty cổ phần B2 (Tổng công ty cổ phần B) cấp ngày 05/12/2015.

Sau khi mua bảo hiểm xe thì ông P1 làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu xe. Theo giấy chứng nhận đăng ký xe số: 003222 do Phòng C1 Công an tỉnh S cấp cho ông Ngô Văn P1 ngày 08/12/2015. Xe có biển kiểm soát: 83A-049.80, số máy: 2TR8896540, số khung: 69G7F9013954; Loại xe: ôtô con, số loại: Fortuner, màu sơn: bạc, Dung tích: 2694, số chỗ ngồi: 07 chỗ.

Vào khoảng 21h15 phút ngày 08/02/2016, ông P1 điều khiển xe ôtô Fortuner BKS: 83A-049.80 chở người bạn là Châu Minh T2 gặp tai nạn trên đường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng kết quả là ông P1 đã tử vong, còn Châu Minh T2 thì bị thương, riêng chiếc xe Forture BKS: 83A-049.80 thì hư hỏng hoàn toàn.

Khi tai nạn xảy ra thì có Công an thành phố S xem xét giải quyết. Hiện chiếc xe do Công an thành phố S thu giữ và tạm giữ tại Trại tạm giam công an thành phố S cho đến hiện nay. Khi xảy ra tai nạn ông P1 chết nên bà Q cùng gia đình phải lo mai táng và cũng ngay mồng 01 Tết nguyên đán.

Đến ngày 15/02/2016, bà Q có đến Công ty B1 trình báo và yêu cầu bồi thường cho bà Q về bảo hiểm xe và bảo hiểm thiệt hại về người thì gặp ông Lê Văn N1 là nhân viên Công ty B1 tiếp nhận hồ sơ, ông N1 có làm việc với bà Q tại Văn phòng Công ty B1 theo Biên bản làm việc ngày 15/02/2016.

Tuy nhiên, ngày 14/11/2016, bà Q có nhận được Công văn số 2380/P của Tổng Công ty B về việc từ chối bồi thường vụ tai nạn xe 83A-04980 với lý do cho rằng: Nguyên nhân dẫn đến tai nạn xảy ra vào ngày 08/02/2016 của xe ô

83A-04980 lý do lái xe (ông Ngô Văn P1) uống rượu bia. Lái xe đã vi phạm điểm 4 Điều 11- Loại trừ bảo hiểm của Quy tắc bảo hiểm vật chất xe ôtô ban hành kèm theo Quyết định số 108/2015/QD/TSC/TGĐ ngày 27/02/2015 của Tổng giám đốc Tổng công ty B (B1). Tại điểm 4 Điều 11- Loại trừ bảo hiểm có nội dung: *"Người điều khiển xe trong tình trạng có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở, sử dụng ma túy và chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật"*. Do đó, vụ tai nạn trên không thuộc trách nhiệm bồi thường của bảo hiểm.

Sau khi tai nạn xảy ra, thì các cơ quan chức năng có thẩm quyền xác minh và làm rõ nguyên nhân tai nạn dẫn đến cái chết của ông Ngô Văn P1. Căn cứ theo Công văn số 166/2016/CV-CQCSNT của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố S ngày 29/8/2016 kết luận: *"Không xác định được khi xảy ra tai nạn trong máu nạn nhân Ngô Văn P1 có nồng độ cồn không"*. Phía bị đơn không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh là ông P1 vi phạm theo quy định tại khoản 4 Điều 11 của quy tắc bảo hiểm kết hợp xe ô tô.

Bà Q không có khai báo với nhân viên của Công ty B1 về việc ông P1 ăn nhậu gây tai nạn. Nhưng tại Công văn số 2380/P của Tổng Công ty B cho rằng bà Q khai: *"...Hôm đó (hôm xe bị tai nạn), ông P1 cùng người em tên là T2 đi dự lễ tất niên tại nhà người quen ở huyện C và có uống rượu, sau đó 02 người này về nhà ông P1 lại uống tiếp",* nội dung này là hoàn toàn không đúng lời khai bà Q mà là do nhân viên Công ty B1 tự bịa đặt. Bà Q chỉ có làm việc với nhân viên Công ty B1 là ông Lê Văn N1 theo biên bản làm việc ngày 15/02/2016, ngoài ra bà Q không có làm việc với nhân viên nào khác. Sau đó phía Công ty B1 có gọi điện cho bà Q kêu lên Công ty để làm thủ tục bồi thường, bà Q đến thì phía Công ty bảo hiểm đưa cho bà Q một số giấy trắng kêu bà Q ký, vì bà Q nghĩ đó là các thủ tục bồi thường nên bà Q ký. Từ khi xảy ra tai nạn đến nay Tổng Công ty B không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh là ông P1 vi phạm theo quy định tại khoản 4 Điều 11 của quy tắc bảo hiểm kết hợp xe ô tô. Do đó, bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Tổng công ty cổ phần B có trách nhiệm thanh toán cho bà Trịnh Tiểu Q các khoản tiền bảo hiểm như sau:

1/ Số tiền bảo hiểm vật chất xe: 1.008.000.000 đồng.

2/ Số tiền bảo hiểm người lái: 10.000.000 đồng.

3/ Số tiền người ngồi trên xe: 10.000.000 đồng.

Tổng số tiền phải thanh toán cho bà Q là: 1.028.000.000 đồng (Một tỷ không trăm hai mươi tám triệu đồng).

Phía nguyên đơn đã nhận được Báo cáo giám định tình trạng tổn thất xe ô tô biển số 83A-049.80; Số 200225/VTC, ngày 20/12/2020 của Công ty cổ phần G1 và thống nhất với kết quả giám định này.

Đối với yêu cầu độc lập của ngân hàng phía nguyên đơn có ý kiến như sau:

Bà Q thừa nhận bà Q và ông P1 có vay số tiền như đại diện Ngân hàng trình bày là đúng. Tạm tính đến ngày 18/5/2022 bà Q còn nợ Ngân hàng tổng

cộng là 942.700.469 đồng (trong đó, số tiền vốn là 518.334.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 136.101.662 đồng, tiền lãi quá hạn là 288.264.807 đồng); đối với tiền lãi thì phía bà Q và những người thừa kế của ông P1 yêu cầu Ngân hàng xem xét giảm lãi cho bà vì hiện nay ông P1 đã chết, kinh tế gia đình bà Q gặp rất nhiều khó khăn.

Trong trường hợp bà Q và những người thừa kế theo pháp luật của ông Ngô Văn P1 không thanh toán được nợ, thì Q và những người thừa kế theo pháp luật của ông Ngô Văn P1 đồng ý cho Ngân hàng TMCP S3 phát mãi tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số LD1534500140.1 ngày 11/12/2015 do ông Ngô Văn P1 và bà Trịnh Tiểu Q đã ký để Ngân hàng thu hồi nợ.

** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Bùi Sĩ L1 và ông Bùi Phi L trình bày:*

Vào ngày 15/02/2016, B1 có nhận được thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường của bà Trịnh Tiểu Q (vợ ông Ngô Văn P1), yêu cầu bồi thường vụ tai nạn có chủ xe và lái xe Ngô Văn P1, BS xe 83A-049.80.

Qua quá trình tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn chủ xe phối hợp cung cấp các chứng từ có liên quan và quá trình tiến hành xác minh tính chân thật của vụ việc, các nhân chứng tại khu vực hiện trường xảy ra vụ tai nạn đều xác nhận lái xe có sử dụng rượu bia khi điều khiển phương tiện và tại Biên bản làm việc vào lúc 15 giờ ngày 19/8/2016 tại Công ty B1 bà Trịnh Tiểu Q (vợ chủ xe) có khai: *"....vào tối ngày 29/12 âm lịch (08/02/2016 dương lịch) ông T2 tới nhà ông P1 mời ông P1 đi ăn cơm gia đình cùng với ông T2 theo lời mời của người quen ở huyện C có uống rượu, sau đó ông P1 và ông T2 lại về nhà uống tiếp, khi đưa ông T2 về thì xảy ra tai nạn...."*. Từ những chứng cứ xác minh được TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B xác định lái xe điều khiển phương tiện trong tình trạng có sử dụng rượu bia dẫn đến tai nạn. TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B cũng đã tiến hành làm việc với những người làm chứng như ông Thạch S1, ông Phan Thanh X, ông Trần Văn T1, bà Tống Phước Diệu T4, ông Trần Minh T5, ông Lâm Văn S2.

Nay trước yêu cầu của bà Q, Tổng công ty cổ phần B có ý kiến như sau:

- Tổng công ty cổ phần B không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn. Lý do chủ xe là ông Ngô Văn P1 đã vi phạm theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Quy tắc bảo hiểm vật chất xe ô tô ban hành kèm theo Quyết định 108/2015/QĐ/TSC/TGĐ ngày 27/02/2015 của Tổng công ty cổ phần B và khoản 4 Điều 22 Quy tắc bảo hiểm kết hợp xe ô tô ban hành kèm theo Quyết định 304/QĐ/P/XCG/2009 ngày 05/5/2009 của Tổng giám đốc TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B , hiệu lực áp dụng từ 05/5/2009 là khi tham gia giao thông có nồng độ cồn trong người.

- Phía bị đơn đã nhận được Báo cáo giám định tình trạng tổn thất xe ô tô biển số 83A-049.80; Số 200225/VTC, ngày 20/12/2020 của Công ty cổ phần G1 và thống nhất với kết quả giám định này.

Tuy nhiên, trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải bồi thường thì bị đơn chỉ chấp nhận bồi thường theo kết

luận định giá tài sản số 154/KL.ĐGTS ngày 14/3/2016 của Hội đồng định giá tài sản thành phố S, tỷ lệ hư hỏng là 24,6%, với số tiền là 201.474.000 đồng. Trường hợp buộc bồi thường toàn bộ thì xác chiếc xe biển kiểm soát số: 83A-049.80 thuộc sở hữu của bị đơn, bên bị đơn sẽ thu hồi theo quy định.

** Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S3 ông Lê Hoàng P trình bày yêu cầu độc lập:*

Vào ngày 11/12/2015, Ngân hàng S3 Chi nhánh S4 – PGD Mỹ Xuyên có ký với ông Ngô Văn P1 và bà Trịnh Tiểu Q Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1534500140 vay số tiền 700.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; mục đích mua xe ôtô, phương thức thanh toán: gốc trả hàng tháng, lãi trả theo dư nợ giảm dần; lãi suất 12 tháng đầu tiên 0.83%/tháng, từ tháng 13 kể từ ngày ký hợp đồng được S5 quyết định điều chỉnh; thời hạn trả hết nợ vào ngày 11/12/2020. Dư nợ đến ngày 12/9/2017 là 518.334.000 đồng, từ ngày 25/12/2016 cho đến nay không trả lãi nên phát sinh lãi quá hạn.

Để đảm bảo cho số tiền vay, ông P1 và bà Q đã dùng tài sản của mình để thế chấp theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số LD1534500140.1 ngày 11/12/2015 là: Một chiếc xe ôtô 7 chỗ nhãn hiệu TOYOTA, số khung: RL4ZX69G7F9013954, số máy: 2TR8896540, màu sơn: Bạc, BKS số: 83A-049.80 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/12/2015.

Nay Ngân hàng TMCP S3 yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trịnh Tiểu Q và những người thừa kế theo pháp luật của ông Ngô Văn P1 gồm: ông Ngô Thành T, bà Phạm Thị Thanh V, bà Trịnh Tiểu Q, cháu Ngô Đức S và cháu Ngô Bích N (do ông P1 chết năm 2016) trả số tiền vốn còn nợ là 518.334.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 136.101.662 đồng, tiền lãi quá hạn là 288.264.807 đồng tạm tính đến ngày 18/5/2022. Tổng cộng là 942.700.469 đồng và lãi phát sinh đến khi trả tất nợ.

Trường hợp Tòa án chấp nhận buộc bị đơn là Tổng Công ty B bồi thường thiệt hại cho phía nguyên đơn thì Ngân hàng là người thụ hưởng số tiền bảo hiểm do Tổng Công ty B chi trả, và Ngân hàng TMCP S3 đồng ý giao xe cho phía Công ty B1.

Trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì Ngân hàng yêu cầu bà Q cùng những người thừa kế theo pháp luật của ông Ngô Văn P1 phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 18/5/2022. Tổng cộng là 942.700.469 đồng và lãi phát sinh đến khi trả tất nợ. Trường hợp không thanh toán được nợ thì Ngân hàng TMCP S3 yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số LD1534500140.1 ngày 11/12/2015 do ông Ngô Văn P1 và bà Trịnh Tiểu Q đã ký để Ngân hàng thu hồi nợ.

Ngân hàng nhận được Báo cáo giám định tình trạng tổn thất xe ô tô biển số 83A-049.80; Số 200225/VTC, ngày 20/12/2020 của Công ty cổ phần G1 và thống nhất với kết quả giám định này.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2017, người làm chứng ông Châu*

Minh T2 trình bày:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 08/02/2016, mẹ ông T2 chở ông T2 đến nhà ông P1 chơi, khi đến nhà ông P1 thì ông T2 ở lại chơi còn mẹ ông T2 về, đến khoảng 21 giờ thì ông P1 đưa ông T2 về. Trước khi đến nhà ông P1 thì ông T2 có uống rượu cùng 02 người em ông T2, còn ông P1 thì không có uống rượu. Ông T2 khẳng định là ông P1 không có uống rượu vì ngồi kế bên ông P1 cũng không nghe mùi rượu, bia gì cả.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/7/2017, người làm chứng ông Trần Văn T1 trình bày:*

Ngày hôm sau xảy ra tai nạn thì ông T1 mới ra xem, ông T1 không biết người lái xe gây tai nạn có uống rượu không, ông chỉ nghe những người gần đó nói là người lái xe có uống rượu. Lời trình bày trong biên bản ngày 18/8/2016 không phải là của ông T1, ông T1 chỉ ký tên không có đọc biên bản, vì khi đó nhân viên bảo hiểm nói làm biên bản để bồi thường cho nạn nhân nên ông T1 không nghi ngờ gì mới ký vào biên bản.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/7/2017, ngày 05/5/2022, người làm chứng ông Thạch S1 trình bày:*

Sáng hôm sau ông S1 mới đến hiện trường xảy ra tai nạn, ông chỉ nghe mọi người xung quanh nói lại là người lái xe có rượu trong người nên lái xe gây tai nạn. Còn việc ông P1 lái xe có rượu trong người hay không thì ông S1 không biết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/7/2017 và tại phiên Tòa, người làm chứng ông Lâm Văn S2 trình bày:*

Khi xảy ra tai nạn thì ông S2 cùng một số người hàng xóm cậy cửa xe để cứu người, còn người lái xe có uống rượu, bia hay không thì ông S2 không biết. Lời trình bày trong biên bản ngày 17/8/2016 không phải là của ông S2, ông S2 cho rằng biên bản ngày 17/8/2016 là do nhân viên bảo hiểm tự ghi, ông S2 chỉ ký tên không có đọc biên bản, vì khi đó nhân viên bảo hiểm nói làm biên bản để bồi thường cho nạn nhân nên ông S2 không nghi ngờ gì mới ký vào biên bản.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST, ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 1, 2 Điều 48 Luật kinh doanh bảo hiểm; khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2011 của Thống đốc Ngân hàng N3 (đã được sửa đổi, bổ sung); khoản 2, 6 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Tiểu Q. Buộc Tổng công ty cổ phần B phải bồi thường thiệt hại toàn bộ số tiền bảo hiểm

là 1.028.000.000 đồng phát sinh từ tai nạn xảy ra đối với xe ôtô hiệu Fortuner 2,7V BKS số: 83A-049.80 theo Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện số 50201577/OTO-TN và Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chủ xe ô tô (vật chất xe) số 50090537/OTO-TN cấp ngày 05/12/2015.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP S3. Buộc bà Trịnh Tiểu Q và những người thừa kế theo pháp luật của ông Ngô Văn P1 gồm: ông Ngô Thành T, bà Phạm Thị Thanh V, bà Trịnh Tiểu Q, cháu Ngô Đức S và cháu Ngô Bích N (do ông P1 chết năm 2016) trả cho Ngân hàng TMCP S3 số tiền là 942.700.469 đồng.

Kể từ ngày 19/5/2022 bà Trịnh Tiểu Q và những người thừa kế theo pháp luật của ông Ngô Văn P1 gồm: ông Ngô Thành T, bà Phạm Thị Thanh V, bà Trịnh Tiểu Q, cháu Ngô Đức S và cháu Ngô Bích N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà Trịnh Tiểu Q và những người thừa kế theo pháp luật của ông Ngô Văn P1 gồm: ông Ngô Thành T, bà Phạm Thị Thanh V, bà Trịnh Tiểu Q, cháu Ngô Đức S và cháu Ngô Bích N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S3 cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất Ngân hàng TMCP S3.

Khi án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP S3 có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Trịnh Tiểu Q và những người thừa kế theo pháp luật của ông Ngô Văn P1 gồm: ông Ngô Thành T, bà Phạm Thị Thanh V, bà Trịnh Tiểu Q, cháu Ngô Đức S và cháu Ngô Bích N không thanh toán số tiền trên thì Ngân hàng TMCP S3 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là một chiếc xe ôtô 7 chỗ nhãn hiệu TOYOTA, số khung: RL4ZX69G7F9013954, số máy: 2TR8896540, màu sơn: Bạc, BKS số: 83A-049.80 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/12/2015 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số LD1534500140.1 ngày 11/12/2015 để Ngân hàng thu hồi nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

* Ngày 10/10/2022, bị đơn là Tổng công ty cổ phần B có đơn kháng cáo với nội dung: Phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, có sai lầm trong việc áp dụng quy định của pháp luật, bỏ sót người tham gia tố tụng là đại diện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S, sai sót trong việc đánh giá tổn thất của xe ô tô BKS 83A-049.90. Tất cả những vi phạm đó dẫn đến việc ban hành bản án không đúng với quy

định của pháp luật gây ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B . Nay đại diện Tổng công ty yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Tiểu Q.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Trịnh Tiểu Q không rút đơn khởi kiện; ông Lê Hoàng P đại diện theo ủy quyền của N4 không rút đơn yêu cầu độc lập; đại diện bị đơn Tổng công ty cổ phần B giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, kiểm sát viên phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Tổng công ty cổ phần B và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của Tổng công ty cổ phần B là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng: tại phiên tòa hôm nay bị đơn Tổng công ty cổ phần B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Thành T, bà Phạm Thị Thanh V, Ngân hàng TMCP S3, cháu Ngô Đức S – cháu Ngô Bích N vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện hợp pháp của họ tham gia phiên tòa; người làm chứng là ông Trần Văn T1, ông Thạch S1, ông Lâm Văn S2 đều vắng mặt không có lý do; Việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[3] Nội dung vụ án:

[3.1] Nguyên đơn bà Trịnh Tiểu Q cho rằng ngày 28/11/2015, chồng bà là ông Ngô Văn P1 có mua 01 chiếc xe ôtô hiệu Fortuner 2,7V của Công ty TNHH T6. Đến ngày 05/12/2015, ông P1 có đến Công ty B1 để hợp đồng mua bảo hiểm tai nạn lái, phụ xe tự nguyện, bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc, bảo hiểm vật chất xe cùng ngày 05/12/2015 ông P1 đã được Công ty B1 cấp 03 giấy chứng nhận bảo hiểm trên. Vào khoảng 21h15 phút ngày 08/02/2016, ông P1 điều khiển xe ôtô Fortuner BKS: 83A-049.80 chở người bạn là Châu Minh T2 gặp tai nạn trên đường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng kết quả là ông P1 đã tử vong, còn Châu Minh T2 thì bị thương, riêng chiếc xe Forture BKS: 83A-049.80

thì hư hỏng hoàn toàn.

Nay bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Tổng công ty cổ phần B có trách nhiệm thanh toán cho bà 1.028.000.000 đồng, bao gồm các khoản tiền bảo hiểm (Số tiền bảo hiểm vật chất xe là 1.008.000.000 đồng, tiền bảo hiểm người lái là 10.000.000 đồng và tiền người ngồi trên xe là 10.000.000 đồng).

[3.2] Đại diện phía bị đơn cho rằng ngày 15/02/2016 B1 có nhận được thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường của bà Trịnh Tiểu Q (vợ ông Ngô Văn P1), yêu cầu bồi thường vụ tai nạn có chủ xe và lái xe Ngô Văn P1, BS xe 83A-049.80.

Quá trình tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn chủ xe phối hợp cung cấp các chứng từ có liên quan và quá trình tiến hành xác minh tính chân thật của vụ việc, các nhân chứng tại khu vực hiện trường xảy ra vụ tai nạn đều xác nhận lái xe có sử dụng rượu bia khi điều khiển phương tiện.

Nay trước yêu cầu của bà Q, TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B có ý kiến như sau:

- TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn. Lý do chủ xe là ông Ngô Văn P1 đã vi phạm theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Quy tắc bảo hiểm vật chất xe ô tô ban hành kèm theo Quyết định 108/2015/QĐ/TSC/TGĐ ngày 27/02/2015 của Tổng công ty cổ phần B và khoản 4 Điều 22 Quy tắc bảo hiểm kết hợp xe ô tô ban hành kèm theo Quyết định 304/QĐ/P/XCG/2009 ngày 05/5/2009 của Tổng giám đốc TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B , hiệu lực áp dụng từ 05/5/2009 là khi tham gia giao thông có nồng độ cồn trong người.

[3.3] Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S3 ông Lê Hoàng P trình bày yêu cầu độc lập cho rằng ngày 11/12/2015, Ngân hàng S3 Chi nhánh S4 – PGD Mỹ Xuyên có ký với ông Ngô Văn P1 và bà Trịnh Tiểu Q Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1534500140 vay số tiền 700.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; mục đích mua xe ôtô, phương thức thanh toán: gốc trả hàng tháng, lãi trả theo dư nợ giảm dần; lãi suất 12 tháng đầu tiên 0.83%/tháng, từ tháng 13 kể từ ngày ký hợp đồng được S5 quyết định điều chỉnh; thời hạn trả hết nợ vào ngày 11/12/2020. Dư nợ đến ngày 12/9/2017 là 518.334.000 đồng, từ ngày 25/12/2016 cho đến nay không trả lãi nên phát sinh lãi quá hạn.

Nay Ngân hàng TMCP S3 yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trịnh Tiểu Q và những người thừa kế theo pháp luật của ông Ngô Văn P1 gồm: ông Ngô Thành T, bà Phạm Thị Thanh V, bà Trịnh Tiểu Q, cháu Ngô Đức S và cháu Ngô Bích N (do ông P1 chết năm 2016) trả số tiền vốn còn nợ là 518.334.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 136.101.662 đồng, tiền lãi quá hạn là 288.264.807 đồng tạm tính đến ngày 18/5/2022. Tổng cộng là 942.700.469 đồng và lãi phát sinh đến khi trả tất nợ.

Trường hợp Tòa án chấp nhận buộc bị đơn là Tổng Công ty B bồi thường thiệt hại cho phía nguyên đơn thì Ngân hàng là người thụ hưởng số tiền bảo hiểm do Tổng Công ty B chi trả, và Ngân hàng TMCP S3 đồng ý giao xe cho

phía Công ty B1.

Trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì Ngân hàng yêu cầu bà Q cùng những người thừa kế theo pháp luật của ông Ngô Văn P1 phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 18/5/2022. Tổng cộng là 942.700.469 đồng và lãi phát sinh đến khi trả tất nợ. Trường hợp không thanh toán được nợ thì Ngân hàng TMCP S3 yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số LD1534500140.1 ngày 11/12/2015 do ông Ngô Văn P1 và bà Trịnh Tiểu Q đã ký để Ngân hàng thu hồi nợ.

Ngân hàng nhận được Báo cáo giám định tình trạng tổn thất xe ô tô biển số 83A-049.80; Số 200225/VTC, ngày 20/12/2020 của Công ty cổ phần G1 và thống nhất với kết quả giám định này.

[4] Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST, ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đã tuyên xử thì Ngân hàng TMCP S3 không kháng cáo; Đối với bị đơn Tổng công ty cổ phần B có đơn kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự chỉ xem xét phần kháng cáo của bị đơn, còn các phần khác không có kháng cáo thì có hiệu lực pháp luật.

[5] Xét kháng cáo của Tổng công ty cổ phần B cho rằng phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, có sai lầm trong việc áp dụng quy định của pháp luật, bỏ sót người tham gia tố tụng là đại diện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S, sai sót trong việc đánh giá tổn thất của xe ô tô BKS 83A-049.90. Tất cả những vi phạm đó dẫn đến việc ban hành bản án không đúng với quy định của pháp luật gây ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B cũng như ý kiến của bị đơn TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B về nội dung kháng cáo. Nay đại diện Tổng công ty yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Tiểu Q thì nhận thấy:

[5.1] Xét về hợp đồng bảo hiểm. Xét thấy, ngày 05/12/2015 giữa ông Ngô Văn P1 với Công ty B1 có ký 03 hợp đồng bảo hiểm đối với chiếc xe Forture BKS: 83A-049.80 và đã được Công ty B1 trực thuộc Tổng công ty cổ phần B (gọi tắt là Công ty B1) cấp 03 giấy chứng nhận bảo hiểm, bao gồm:

[5.1.1] Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện số 50201577/OTO-TN, bảo hiểm tai nạn lái, phụ xe và người ngồi trên xe. Lái xe 01 người, mức bảo hiểm 10.000.000 đồng/người/vụ. Người ngồi trên xe: 06 người, số tiền bảo hiểm 10.000.000 đồng/người/vụ. Phí bảo hiểm 70.000 đồng;

[5.1.2] Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS số 50201577/OTO-TN, chủ xe: Ngô Văn P1, số khung: 7F9013954, số máy: 2TR8896540, loại xe Fortuner, số chỗ ngồi 07 chỗ. Mục đích sử dụng: không kinh doanh vận tải:

- Mức TNDS đối với người thứ ba: 70.000.000 đồng/người/vụ, về tài sản: 70.000.000 đồng/vụ.

- Mức TNDS đối với hành khách: về người: 7.000.000 đồng/người/vụ.

- Thời hạn bảo hiểm từ 06 giờ ngày 07/12/2015 đến 06 giờ ngày 07/12/2016, phí bảo hiểm 873.400 đồng, do Công ty B1 trực thuộc Tổng công ty cổ phần B (Tổng công ty cổ phần B) cấp ngày 05/12/2015.

[5.1.3] Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chủ xe ô tô (vật chất xe) số 50090537/OTO-TN chủ xe: Ngô Văn P1, số khung 7F9013954, số máy: 2TR8896540, loại xe Fortuner, số chỗ ngồi 07 chỗ, loại xe DL. Bảo hiểm vật chất xe: giá trị xe 1.008.000.000 đồng. Số tiền bảo hiểm theo yêu cầu: toàn bộ xe: 1.008.000.000 đồng, mức miễn bồi thường 500.000 đồng. Tổng phí bảo hiểm: 25.704.000 đồng. Thời gian bảo hiểm: 24 tháng (từ 06 giờ ngày 07/12/2015 đến 06 giờ ngày 07/12/2017), do Công ty B1 trực thuộc Tổng công ty cổ phần B (Tổng công ty cổ phần B) cấp ngày 05/12/2015. Đối tượng được bảo hiểm là 01 chiếc xe ôtô hiệu Fortuner 2,7V, BKS: 83A-049.80 thuộc quyền sở hữu của ông Ngô Văn P1.

[5.1.4] Theo nhận định tại các tiểu mục [5.1.1] đến [5.1.3] mục [5.1] thì Tòa án cấp sơ thẩm xác định các hợp đồng bảo hiểm nêu trên giữa các bên đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ 06 giờ ngày 07/12/2015 đến 06 giờ ngày 07/12/2016 theo quy định tại Điều 15 của Luật Kinh doanh bảo hiểm và khoản 1 Điều 2 của Quy tắc bảo hiểm vật chất xe ô tô ban hành kèm theo Quyết định 108/2015/QĐ/TSC/TGĐ ngày 27/02/2015 của Tổng công ty cổ phần B (gọi tắt là Quy tắc bảo hiểm) là có căn cứ và các bên phải thực hiện.

[5.2] Về thời gian chậm báo cho TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B thì thấy rằng, về trách nhiệm của chủ xe, người điều khiển xe thì theo quy định tại điểm 5.1 khoản 5 Điều 4 Quy tắc bảo hiểm kết hợp xe ô tô thì khi xảy ra tổn thất, chủ xe/người điều khiển xe phải có trách nhiệm "Thông báo ngay cho TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B để phối hợp giải quyết, tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tổn thất; đồng thời thông báo cho cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất (trừ trường hợp bắt khả kháng). Như vậy, trong trường hợp này sau khi tai nạn xảy ra thì ông P1 bị thương nặng bất tỉnh phải đưa đi bệnh viện và sau đó đã chết, ngay ngày xảy ra tai nạn là ngày 29/12 tết âm lịch và gia đình ông P1 có báo với Công an thành phố S, sau khi ông P1 chết thì gia đình phải lo đám tang nên không thể báo ngay cho Tổng công ty, nên đến ngày 15//2/2016 thì bà Q vợ ông P1 thông báo cho TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B thì đây là "Trường hợp bắt khả kháng". Riêng bà Q không phải là chủ xe/người điều khiển xe phải có trách nhiệm "Thông báo ngay cho TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B để phối hợp giải quyết,..". Do đó, kháng cáo của TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B phần này là không có chứng cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5.3] Theo án sơ thẩm nhận định từ khi xảy ra sự kiện bảo hiểm cho đến nay phía TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B không thực hiện việc giám định tổn thất để xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất thì thấy rằng, cấp sơ thẩm nhận định trên là có căn cứ, vì sau khi tai nạn xảy ra 7 ngày thì gia đình ông P1 có báo cho TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B , sau đó TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B đi thu thập chứng cứ thì tất cả các biên bản do ông L1 ghi cùng một nội dung là

không ai trực tiếp chứng kiến ông P1 uống rượu bia hay chất kích thích nào khác mà chỉ nghe nói lại. Khi Tòa án mời những người mà ông L1 lấy lời khai lên làm việc tại Tòa án thì những người làm chứng lại khai khác và có cùng nội dung là người lái xe có uống rượu bia hay không thì họ không biết, họ chỉ nghe nói lại, những lời ghi trong biên bản với nhân viên TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B là hoàn toàn không đúng, họ không có khai như vậy và tại tòa cấp phúc thẩm thì đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận chứng cứ do Tòa sơ thẩm thu thập là khách quan. Do đó, kháng cáo của bị đơn phần này không có căn cứ chấp nhận.

[5.4] Theo kết quả định giá tài sản số 154/KL.ĐGTS ngày 14/3/2016 đã thể hiện rõ tỷ lệ hư hỏng xe là 24,6% tương ứng với số tiền 201.474.000đồng thì thấy rằng, sau khi có kết quả định giá tài sản số 154/KL.ĐGTS ngày 14/3/2016 thì tại phiên tòa nguyên đơn và đại diện bị đơn đều khai là không có nhận được kết quả định giá tài sản và cả hai đều khẳng định không ai biết kết quả định giá tài sản số 154/KL.ĐGTS ngày 14/3/2016, nên không có yêu cầu định giá lại. Theo quy định tại Điều 6 Quy tắc bảo hiểm kết hợp xe ô tô thì giám định tổn thất, khi xảy ra tổn thất, TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B hoặc người được TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B ủy quyền sẽ tiến hành giám định các tổn thất về tài sản với sự có mặt của hai bên,…nhưng do TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B từ chối bồi thường tiền bảo hiểm cho bà Q, nên không tiến hành giám định theo quy định. Do đó, kháng cáo của bị đơn phần này không có căn cứ chấp nhận.

[5.5] Cấp sơ thẩm nhận định cho rằng TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B đồng ý với kết quả giám định tình trạng tổn thất xe ngày 20/12/2020 của Công ty cổ phần G1, với giá trị thiệt hại là 88,1% thì thấy rằng, sau khi Tòa án thụ lý và phía nguyên đơn yêu cầu Công ty cổ phần G1 giám định và có mặt của đại diện TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B , nhưng khi nhận kết quả TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B không phản đối. Do đó, kháng cáo của bị đơn phần này không có căn cứ chấp nhận.

[5.6] Nguyên đơn đã nhận xe từ Cơ quan Cảnh sát điều tra ngày 25/3/2016 thì thiệt hại có 24,6% đến ngày 20/12/2020 thì giám định lại 88,1% là hoàn toàn không phải thiệt hại xuất phát từ vụ tai nạn xảy ra ngày 8/2/2016 thì thấy rằng, theo quy định tại điểm 5.2 khoản 5 Điều 4 Quy tắc bảo hiểm kết hợp xe ô tô thì khi xảy ra tổn thất, chủ xe/người điều khiển xe phải có trách nhiệm: Không được di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp nhận của TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B ; trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, sau khi sự việc xảy ra, TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B không trực tiếp cùng gia đình thỏa thuận phương hướng giải quyết, nên nguyên đơn mặc dù đã nhận xe nhưng không thể di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa, vì chưa có ý kiến chấp thuận của TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B . Mặt khác, khi xảy ra tai nạn ngày 8/2/2016 nhưng hai bên không thỏa thuận phương hướng giải quyết, nên nguyên đơn khởi kiện và đến ngày 20/12/2020 thì giám định lại 88,1%. Do đó, kháng cáo của bị đơn phần này không có căn cứ

chấp nhận.

[5.7] Cấp sơ thẩm bỏ sót người tham gia tố tụng là đại diện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S thì thấy rằng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S là người tiến hành tố tụng trong vụ án hình sự và họ chỉ xác định trong vụ án này có tội phạm xảy ra hay không, trong vụ án này nguyên nhân xảy ra tai nạn dẫn đến ông P1 tử vong là do ông điều khiển xe ô tô va chạm vào cây trên lề đường, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, kháng cáo của bị đơn phần này không có căn cứ chấp nhận.

[6] Từ những phân tích tại mục [5] kết hợp với án sơ thẩm đã nhận định trên thì:

[6.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bồi thường số tiền bảo hiểm 1.028.000.000 đồng, thấy rằng:

[6.1.1] Vào khoảng 21h15 phút ngày 08/02/2016, ông P1 điều khiển xe ôtô Fortuner BKS: 83A-049.80 chở người bạn là Châu Minh T2 gặp tai nạn trên đường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng và đã tử vong, còn Châu Minh T2 thì bị thương, riêng chiếc xe Forture BKS: 83A-049.80 thì hư hỏng như hiện nay.

[6.1.2] Khi tai nạn xảy ra thì có Công an thành phố S xem xét giải quyết. Hiện chiếc xe do bà Q gửi tại Nhà tạm giữ Công an thành phố S. Sau khi tai nạn xảy ra, thì các cơ quan chức năng có thẩm quyền xác minh và làm rõ nguyên nhân tại nạn dẫn đến cái chết của ông Ngô Văn P1. Cụ thể tại công văn số 166/2016/CV-CQCSNT của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố S ngày 29/8/2016 và Biên bản khám nghiệm tử thi ngày 09/02/2016 đều kết luận: *"Không xác định được khi xảy ra tai nạn trong máu nạn nhân Ngô Văn P1 có nồng độ cồn không*".

[6.1.3] Đến ngày 15/02/2016, bà Q có đến Công ty B1 – Chi nhánh S4 trình báo tai nạn và yêu cầu bồi thường cho bà Q về bảo hiểm xe và bảo hiểm thiệt hại về người.

[6.1.4] Ngày 14/11/2016, bà Q có nhận được Công văn số 2380/P của Tổng công ty B về việc thông báo từ chối bồi thường vụ tai nạn xe 83A-04980 với lý do cho rằng: Nguyên nhân dẫn đến tai nạn xảy ra vào ngày 08/2/2016 của xe ô 83A-04980 lý do lái xe (ông Nguyễn Văn P2) uống rượu bia. Lái xe đã vi phạm điểm 4 Điều 11- Loại trừ bảo hiểm của Quy tắc bảo hiểm vật chất xe ôtô ban hành kèm theo Quyết định số 108/2015/QĐ/TSC/TGĐ ngày 27/02/2015 của Tổng giám đốc Tổng công ty B (B1). Tại điểm 4 Điều 11- Loại trừ bảo hiểm có nội dung: *"Người điều khiển xe trong tình trạng có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở, sử dụng ma túy và chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật"*. Do đó, vụ tai nạn trên không thuộc trách nhiệm bồi thường của bảo hiểm. Nhưng phía bị đơn không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh là ông P2 vi phạm theo quy định tại khoản 4 Điều 11 của Quy tắc bảo hiểm vật chất xe ô tô ban hành kèm theo Quyết định 108/2015/QĐ/TSC/TGĐ ngày 27/02/2015

của Tổng công ty cổ phần B.

[6.1.5] Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn chỉ cung cấp một số biên bản do ông Bùi Sĩ L1 là nhân viên TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B tự lấy lời khai người dân gần khu vực ông P2 xảy ra tai nại, không có xác nhận của chính quyền địa phương nên không được coi là chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự và tại tòa phúc thẩm phía đại diện bị đơn cũng thừa nhận chứng cứ do Tòa án thu thập là hợp pháp, còn chứng cứ do nhân viên TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B thu thập thì đại diện bị đơn nói chung chung.

[6.1.6] Mặc khác tất cả các biên bản do ông L1 ghi cùng một nội dung là không ai trực tiếp chứng kiến ông P2 uống rượu bia hay chất kích thích nào khác mà chỉ nghe nói lại. Khi Tòa án mời những người mà ông L1 lấy lời khai lên làm việc tại Tòa án thì những người làm chứng lại khai khác và có cùng nội dung là người lái xe có uống rượu bia hay không thì họ không biết, họ chỉ nghe nói lại, những lời ghi trong biên bản với nhân viên TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B là hoàn toàn không đúng, họ không có khai như vậy: Cụ thể:

[6.1.6.1] Biên bản làm việc với ông Trần Văn T1 vào ngày 27/7/2017 Tại Tòa án, ông T1 khai: ngày hôm sau xảy ra tai nạn ông T1 mới biết và ra xem, ông T1 không biết người lái xe gây tai nạn có uống rượu hay không, ông T1 chỉ nghe những người gần đó kể lại. Ông T1 cho rằng lời trình bày trong biên bản làm việc ngày 18/8/2016 với nhân viên TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B không phải là lời khai của ông T1, khi đó nhân viên bảo hiểm nói với ông T1 làm biên bản này để làm hồ sơ bồi thường cho nạn nhân nên ông T1 không nghi ngờ gì mới đồng ý ký.

[6.1.6.2] Biên bản làm việc với ông Thạch S1 vào ngày 24/7/2017, ông S1 khai: Sáng hôm sau xảy ra tai nạn ông S1 mới đến hiện trường, ông S1 không biết người lái xe gây tai nạn có uống rượu hay không, ông S1 chỉ nghe những người gần đó kể lại.

[6.1.6.3] Đối với người làm chứng tên Trần Minh T5, địa chỉ số F, đường M, khóm F, phường I, thành phố S; bà Tống Phước Diệu T4, địa chỉ số G, đường M, phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng mà ông Bùi Sĩ L1 nhân viên TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B ghi lời khai theo biên bản làm việc ngày 16/8/2016 và ngày 17/8/2016 theo biên bản xác minh ngày 24/7/2017 tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố S xác nhận không có tên Trần Minh T5 ngụ tại địa chỉ trên và địa chỉ trên cũng không có. Còn bà Tống Phước Diệu T4 thì có sinh sống tại địa chỉ nêu trên nhưng thời gian gần đây gia đình bà T4 thường xuyên vắng mặt, vài ba ngày mới về, khi về nhà thì vào ban đêm nên rất khó làm việc với bà T4. Tại biên bản xác minh ngày 05/5/2022 tại Công an phường I1, thành phố S thì xác nhận tên Trần Minh T5, bà Tống Phước Diệu T4 không có đăng ký thường trú và cũng không có cư trú tại địa chỉ trên.

[6.1.7] Phía TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B có yêu cầu mời người làm chứng lên đối chất tại phiên Tòa ngày 18/5/2022 ông Lâm Văn S2 đối chất cùng ông Bùi Sĩ L1 là nhân viên bảo hiểm TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B cũng là

người trực tiếp ghi lời khai ông S2 vào ngày 17/8/2016: ông S2 khẳng định là ông không hề quen biết gì với ông P2 và gia đình ông P2, khi làm việc với Tòa án thì Tòa án có cho ông S2 xem lại nội dung trong biên bản ghi lời khai của ông S2 với nhân viên TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B ngày 17/8/2016 là hoàn toàn không đúng với những gì mà ông S2 trình bày, ông S2 không có khai như vậy, ông S2 khẳng định là khi xảy ra tai nạn ông S2 cùng những người hàng xóm lo cậy cửa xe để cứu người, còn việc người lái xe có uống rượu hay không thì ông S2 không biết. Nội dung ghi trong biên bản là do nhân viên bảo hiểm tự đặt ra theo hướng của bên bảo hiểm, trước khi đọc lại biên bản ông L1 còn nói lập biên bản hồ sơ này để làm thủ tục bồi thường cho nạn nhân, khi đọc lại nội dung thì lại đọc khác để ông S2 tin tưởng ký. Do đó, lời khai của những người làm chứng mà TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B ghi là hoàn toàn không đủ cơ sở chứng minh ông P2 có nồng độ cồn khi điều khiển xe gây tai nạn. TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B cũng không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh là ông P2 vi phạm theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Quy tắc bảo hiểm vật chất xe ô tô ban hành kèm theo Quyết định 108/2015/QĐ/TSC/TGĐ ngày 27/02/2015 của Tổng công ty cổ phần B và khoản 4 Điều 22 Quy tắc bảo hiểm kết hợp xe ô tô ban hành kèm theo Quyết định 304/QĐ/P/XCG/2009 ngày 05/5/2009 của Tổng giám đốc TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B , hiệu lực áp dụng từ 05/5/2009.

[6.2] Xét về mức độ tổn thất xe:

[6.2.1] Tại Khoản 1 Điều 48 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định: *"Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, doanh nghiệp B3 hoặc người được doanh nghiệp B3 thực hiện việc giám định tổn thất để xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất. Chi phí giám định tổn thất do doanh nghiệp bảo hiểm chịu"* và tại khoản 1 Điều 6 của Quy tắc bảo hiểm kết hợp xe ô tô ban hành kèm theo Quyết định số 108/2015/QĐ/TSC/TGĐ ngày 27/02/2015 của Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần B (gọi tắt là Quy tắc bảo hiểm) quy định: *"Khi xảy ra tổn thất, TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B hoặc người được TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B ủy quyền sẽ tiến hành giám định các tổn thất về tài sản,..."*.

[6.2.2] Tại khoản 2 Điều 48 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định: *"Trong trường hợp các bên không thống nhất về nguyên nhân và mức độ tổn thất thì có thể trưng cầu giám định viên độc lập, trừ trường hợp có thoả thuận khác trong hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp các bên không thoả thuận được việc trưng cầu giám định viên độc lập thì một trong các bên được yêu cầu Toà án nơi xảy ra tổn thất hoặc nơi cư trú của người được bảo hiểm chỉ định giám định viên độc lập. Kết luận của giám định viên độc lập có giá trị bắt buộc đối với các bên"*.

[6.2.3] Như vậy, theo quy định của pháp luật thì doanh nghiệp B3 phải thực hiện việc giám định tổn thất để xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất. Nhưng từ khi xảy ra sự kiện bảo hiểm cho đến nay phía TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B không thực hiện việc giám định tổn thất để xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất. Khi phía nguyên đơn trưng cầu Công ty cổ phần G1 giám định

thì TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B vẫn đồng ý và không có ý kiến, có mặt tại buổi giám định và vẫn đồng ý với kết quả giám định tình trạng tổn thất xe ngày 20/12/2020 của Công ty cổ phần G1, với giá trị thiệt hại là 88,1%. Tại phiên Tòa người đại diện theo ủy quyền của TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B lại cho rằng trường hợp buộc TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B bồi thường thì TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B chỉ đồng ý bồi thường theo kết luận định giá tài sản số 154/KL.ĐGTS ngày 14/3/2016 của Hội đồng định giá tài sản thành phố S, tỷ lệ hư hỏng là 24,6%, với số tiền là 201.474.000 đồng chứ không đồng ý bồi thường theo kết quả của Công ty cổ phần G1, với giá trị thiệt hại là 88,1% vì do xe phía nguyên đơn tự bảo quản do đó các thiệt hại khi giám định ngày 20/12/2020 là do tác động khác làm hư hỏng thêm chứ không phải do tai nạn gây ra. Mặc khác, tại các mục [5.4] đến mục [5.6] mục [5] thì sau khi có kết quả định giá tài sản số 154/KL.ĐGTS ngày 14/3/2016 thì tại phiên tòa nguyên đơn và đại diện bị đơn đều khai là không có nhận được kết quả định giá tài sản và cả hai đều khẳng định không ai biết kết quả định giá tài sản số 154/KL.ĐGTS ngày 14/3/2016, nên không có yêu cầu định giá lại. Theo quy định tại Điều 6 Quy tắc bảo hiểm kết hợp xe ô tô thì giám định tổn thất, khi xảy ra tổn thất, TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B hoặc người được TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B ủy quyền sẽ tiến hành giám định các tổn thất về tài sản với sự có mặt của hai bên,…nhưng do TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B từ chối bồi thường tiền bảo hiểm cho bà Q, nên không tiến hành giám định theo quy định; sau khi Tòa án thụ lý và phía nguyên đơn yêu cầu Công ty cổ phần G1 giám định và có mặt của đại diện TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B , nhưng khi nhận kết quả TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B không phản đối cũng như theo quy định tại điểm 5.2 khoản 5 Điều 4 Quy tắc bảo hiểm kết hợp xe ô tô thì khi xảy ra tổn thất, chủ xe/người điều khiển xe phải có trách nhiệm: Không được di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp nhận của TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B ; trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, sau khi sự việc xảy ra, TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B không trực tiếp cùng gia đình thỏa thuận phương hướng giải quyết, nên nguyên đơn mặc dù đã nhận xe nhưng không thể di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa, vì chưa có ý kiến chấp thuận của TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B . Mặt khác, khi xảy ra tai nạn ngày 8/2/2016 nhưng hai bên không thỏa thuận phương hướng giải quyết, nên nguyên đơn khởi kiện và đến ngày 20/12/2020 thì giám định lại 88,1%. Từ khi xe xảy ra tai nạn đã hư hỏng và xe được gửi tại Nhà tạm giữ Công an thành phố S cho đến nay nên hư hỏng như hiện nay thì TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B phải chịu trách nhiệm.

[6.2.4] Từ khi xảy ra tai nạn và từ khi nhận được Thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường của bà Trịnh Tiểu Q đến nay phía TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B chưa bồi thường khoản tiền nào cho gia đình ông P2 và không đồng ý bồi thường với lý do là ông P2 khi lái xe trong người có nồng độ cồn nên vi phạm khoản 4 Điều 11 Quy tắc bảo hiểm là không phù hợp. Bởi lẽ khi ký kết hợp đồng bảo hiểm, người mua bảo hiểm mong muốn được bồi thường khi xảy ra rủi

ro. Trên thực tế, vào ngày 08/02/2016 thì ông P2 điều khiển xe ôtô 83A-049.80 thì xảy ra tai nạn hậu quả là ông P2 chết. Tại Công văn số 166/2016/CV-CQCSĐT ngày 29/8/2016 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố S về việc trả lời nguyên nhân tai nạn xe 83A-049.80 về nồng độ cồn: *"Quá trình khám nghiệm tử thi Ngô Văn P1 vào lúc 00 giờ 30 phút ngày 09/02/2016 tại ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố S không xác định được khi xảy ra tai nạn trong máu của nạn nhân Ngô Văn P1 có nồng độ cồn không."*

[6.2.5] Tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 13 của Quy tắc bảo hiểm vật chất xe quy định *"TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B bồi thường tổn thất toàn bộ trong trường hợp xe bị thiệt hại trên 75% giá trị thực tế; hoặc chi phí sửa chửa thiệt hại bằng hoặc trên 75% giá trị thực tế của xe tại thời điểm trước khi xảy ra tổn thất"* và tại điểm 2.3 khoản 2 Điều 13 của Quy tắc bảo hiểm quy định *"Số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ bằng giá trị thực tế của xe trước khi xảy ra tổn thất cùng chủng loại và thông số kỹ thuật và không vượt quá số tiền ghi trên giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc hợp đồng bảo hiểm"*.

[7] Từ những phân tích nêu trên, bà Q đã cung cấp đầy đủ tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, các tài liệu chứng cứ mà bà Q cung cấp hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà Tòa án thu thập, phù hợp với nội dung diễn biến sự việc. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm buộc bị đơn là Công ty B1 phải bồi thường toàn bộ số tiền bảo hiểm theo 03 hợp đồng bảo hiểm đã được TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B cấp ngày 05/12/2015 với tổng số tiền là 1.028.000.000 đồng (trong đó bảo hiểm vật chất xe là 1.008.000 đồng; bảo hiểm người lái là 10.000.000 đồng và bảo hiểm người ngồi trên xe là 10.000.000 đồng) là có căn cứ, nên kháng cáo của bị đơn Công ty B1 là không có căn cứ chấp nhận, Hội đồng xét xử quyết định căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Đối với yêu cầu độc lập của ngân hàng, cấp sơ thẩm đã buộc bà Trịnh Tiểu Q và những người thừa kế theo pháp luật của ông Ngô Văn P1 gồm: ông Ngô Thành T, bà Phạm Thị Thanh V, bà Trịnh Tiểu Q, cháu Ngô Đức S và cháu Ngô Bích N (do ông P1 chết năm 2016) trả cho Ngân hàng TMCP S3 số tiền là 942.700.469 đồng cùng lãi suất chậm trả và xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ chấp nhận.

[9] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bị đơn là Tổng công ty cổ phần B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo bị đơn là Tổng công ty cổ phần B. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các khoản 1, 2 Điều 48 Luật kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2011 của Thống đốc Ngân hàng N3 (đã được sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ các khoản 2, 6 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Tiểu Q. Buộc Tổng công ty cổ phần B phải bồi thường thiệt hại toàn bộ số tiền bảo hiểm là 1.028.000.000 đồng phát sinh từ tai nạn xảy ra đối với xe ôtô hiệu Fortuner 2,7V BKS số: 83A-049.80 theo Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện số 50201577/OTO-TN và Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chủ xe ô tô (vật chất xe) số 50090537/OTO-TN cấp ngày 05/12/2015.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP S3. Buộc bà Trịnh Tiểu Q và những người thừa kế theo pháp luật của ông Ngô Văn P1 gồm: ông Ngô Thành T, bà Phạm Thị Thanh V, bà Trịnh Tiểu Q, cháu Ngô Đức S và cháu Ngô Bích N (do ông P1 chết năm 2016) trả cho Ngân hàng TMCP S3 số tiền là 942.700.469 đồng.

Kể từ ngày 19/5/2022 bà Trịnh Tiểu Q và những người thừa kế theo pháp luật của ông Ngô Văn P1 gồm: ông Ngô Thành T, bà Phạm Thị Thanh V, bà Trịnh Tiểu Q, cháu Ngô Đức S và cháu Ngô Bích N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường

hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà Trịnh Tiểu Q và những người thừa kế theo pháp luật của ông Ngô Văn P1 gồm: ông Ngô Thành T, bà Phạm Thị Thanh V, bà Trịnh Tiểu Q, cháu Ngô Đức S và cháu Ngô Bích N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S3 cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất Ngân hàng TMCP S3.

Khi án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP S3 có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Trịnh Tiểu Q và những người thừa kế theo pháp luật của ông Ngô Văn P1 gồm: ông Ngô Thành T, bà Phạm Thị Thanh V, bà Trịnh Tiểu Q, cháu Ngô Đức S và cháu Ngô Bích N không thanh toán số tiền trên thì Ngân hàng TMCP S3 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là một chiếc xe ôtô 7 chỗ nhãn hiệu TOYOTA, số khung: RL4ZX69G7F9013954, số máy: 2TR8896540, màu sơn: Bạc, BKS số: 83A-049.80 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/12/2015 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số LD1534500140.1 ngày 11/12/2015 để Ngân hàng thu hồi nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1.Tổng công ty cổ phần B phải chịu số tiền là: 42.840.000 đồng.

3.2. Bà Trịnh Tiểu Q không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện, hoàn trả cho bà Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.420.000 đồng theo biên lai thu số 0004919 ngày 24/02/2017, của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

3.3. Bà Trịnh Tiểu Q và những người thừa kế theo pháp luật của ông Ngô Văn P1 gồm: ông Ngô Thành T, bà Phạm Thị Thanh V, bà Trịnh Tiểu Q, cháu Ngô Đức S và cháu Ngô Bích N phải chịu án phí đối với phần Ngân hàng được chấp nhận, số tiền là 40.281.014 đồng.

3.4. Ngân hàng TMCP S3 không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S3 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.312.400 theo biên lai thu số 0007904 ngày 10/10/2017, của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về chi phí giám định tổn thất xe: Số tiền là 42.383.000 đồng theo phiếu chi ngày 04/02/2021 Tổng công ty cổ phần B phải chịu, do bà Trịnh Tiểu Q đã tạm ứng trước nên Tổng công ty cổ phần B có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Q số tiền 42.383.000 đồng.

5. Án phí phúc thẩm: Tổng công ty cổ phần B phải chịu 300.000 đồng. Khấu trừ số tiền Tổng công ty cổ phần B đã nộp là 300.000đồng theo Biên lai thu số 0000600 ngày 01/7/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, Tổng công ty cổ phần B đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền

thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố S;
- Chi cục THADS thành phố S;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Văn Phụng